

THỜI SỰ TÔN GIÁO

LTS. Trong những ngày tháng 9 này, nhân dân Hà Nội nói riêng, nhân dân cả nước nói chung trong đó có đồng bào Công giáo, vô cùng bất bình và phẫn nộ trước những việc làm và lời nói sai trái xúc phạm dân tộc, Tổ quốc, gây tổn hại tới lợi ích quốc gia của vị chủ chăn đứng đầu Giáo phận Hà Nội - Tổng Giám mục Ngô Quang Kiệt cùng một số linh mục ở Giáo xứ Thái Hà. Những hành vi vi phạm pháp luật của những vị chủ chăn này đã bị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ra quyết định cảnh cáo. Đây là về phương diện pháp luật. Còn về phương diện đạo đức, ông Ngô Quang Kiệt đã, đang và sẽ bị trừng phạt một cách nặng nề hơn bởi dư luận của nhân dân cả nước và kiều bào ta ở nước ngoài, trong đó có đồng bào Công giáo, và nếu còn chút lương tâm hẳn ông ta sẽ biết tự trừng phạt mình. Những việc làm và lời nói vừa qua của ông Ngô Quang Kiệt rõ ràng đã đi ngược lại truyền thống “kính Chúa yêu nước” và “đồng hành cùng dân tộc” mà biết bao người Công giáo Việt Nam chân chính đã gây dựng nên trong sự nghiệp giải phóng dân tộc để rửa cái nhục mất nước và trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới để rửa cái nhục đói nghèo. Một trong những tấm gương tiêu biểu là Linh mục Phêrô Phạm Bá Trực, người không chịu cái nhục làm nô lệ cho thực dân, đế quốc, “đã kết hợp được lòng kính Chúa và yêu Tổ quốc một cách mãnh liệt... không nhân nhượng trước quân thù của Tổ quốc, của đạo, kiên quyết chống xâm lăng và bảo vệ thanh danh của đạo Chúa”. Nhân dịp này, Toà soạn Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* cho đăng bài “*Về một Linh mục kính Chúa, yêu nước*” của tác giả Ngô Quốc Đông và coi đây như một ngọn nến thắp lên để tưởng niệm Linh mục Phêrô Phạm Bá Trực – “một vị linh mục kính Chúa yêu nước, suốt đời hi sinh phấn đấu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà và tự do tín ngưỡng của tôn giáo”.

VỀ MỘT LINH MỤC “KÍNH CHÚA, YÊU NƯỚC”

NGÔ QUỐC ĐÔNG^(*)

Hơn 50 năm trước trong một bài báo của mình, Bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng, một trí thức danh tiếng lúc đó đã viết về Linh mục Phạm Bá Trực như sau: “Cha Phê-rô Phạm Bá Trực, một người chiến sĩ Công giáo trung thành với Tổ quốc, với cách mạng, đã là bó đuốc soi đường cho giáo hữu chúng ta. Người chiến sĩ đó đã kết hợp được lòng kính Chúa và yêu Tổ quốc một cách mãnh liệt. Cách mạng tháng Tám đã làm phát huy được truyền thống yêu nước của đồng bào Công giáo Việt Nam, mà Cha Phạm Bá Trực là một người tiêu biểu: Không nhân nhượng trước quân thù của Tổ quốc, của đạo, kiên quyết chống xâm lăng, và bảo

vệ thanh danh của đạo Chúa”⁽¹⁾.

Nhận xét trên quả thực không hề nói quá lên về một nhân vật tiêu biểu của Công giáo Việt Nam trong những năm sau Cách mạng và những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ thử thách của nhân dân Việt Nam, trong đó có sự tham gia đông đảo của đồng bào Công giáo. Qua phân tích vài nét về *bối cảnh*, những *phát ngôn*, và *ứng xử tiêu biểu* của Linh mục Phạm Bá Trực với Công giáo và với cách mạng trong bài viết này hi vọng phần nào giúp chúng ta hiểu rõ hơn về ông.

^{*}. NCV., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Xem bài viết của Nguyễn Tấn Gi Trọng trên báo *Chính Nghĩa*, số 51, ra ngày 26-08-1956, tr. 2.

Sinh ra và lớn lên vào buổi biến động của lịch sử, lúc người Pháp đã bình định xong Việt Nam, biến nước ta thành thuộc địa của chúng, Phạm Bá Trục đã sớm hiểu ra rằng nhân dân Việt Nam lương cũng như giáo đang sống trong cảnh mất nước. Nỗi nhục đó không của riêng ai.

Ông sinh ngày 21- 11 - 1898, tại Bạch Liên, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình, trong một gia đình gốc đạo Công giáo. Thừa nhỏ, với tư chất thông minh hiếu học, Phạm Bá Trục đã nổi tiếng học giỏi. Lớn lên, được gửi đi du học ở La Mã. Sau 9 năm theo học, Phạm Bá Trục đậu 3 bằng tiến sĩ Triết học, Luật học và Thần học. Sau khi thụ phong linh mục, trở về nước, Linh mục Phạm Bá Trục rất được tín nhiệm, được cử đi trông nom nhiều nhà thờ. Song, điều đáng nói là Linh mục luôn thể hiện thái độ và tư tưởng chống lại thực dân Pháp sâu sắc⁽²⁾.

Thái độ đó của Linh mục là cả một “cố gắng lớn” trong bối cảnh lịch sử hiện tại lúc đó. Bởi đây là thời kì Giáo hội Việt Nam vẫn thuộc quyền cai quản của các giáo sĩ ngoại quốc cũng như sự chi phối của thực dân Pháp. Đó là thời điểm mà lòng yêu nước, quan điểm dân tộc là những điều hạn chế hoặc “cấm kị” trong Giáo hội, nếu có bàn đến nó thì chỉ ít cũng hết sức kín kẽ và tế nhị. Lúc này chính sách chống Cộng dưới thời Giáo hoàng Pio XI, Pio XII có ảnh hưởng mạnh mẽ tới nhiều quốc gia mà phong trào dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đang trỗi dậy, trong đó có Việt Nam. Mặt khác, khi Chiến tranh thế giới II (1939 - 1945) kết thúc, nhân loại lại bước vào cuộc Chiến tranh lạnh với hai cực đối đầu Xô - Mỹ, một bên là khối chủ nghĩa xã hội và bên kia là khối tư bản chủ nghĩa. Trong nước

cuộc kháng chiến chống Pháp tiếp tục lan rộng, từ sau năm 1950 thực dân Pháp rơi vào thế bị động đối phó. Trong bối cảnh chính trị như vậy, Giáo hội Công giáo như có thêm những cơ sở thực tế để củng cố những nhận định “khất khe” của mình về Chủ nghĩa Cộng sản⁽³⁾.

Cách mạng tháng Tám thành công, Linh mục Phạm Bá Trục hăng hái tham gia phong trào cách mạng và đi giải thích cho đồng bào Công giáo chính sách đoàn kết lương giáo và tự do tín ngưỡng của Chính phủ Hồ Chí Minh. Trong cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ngày 06-01-1946, nhiều linh mục và giáo dân được nhân dân tín nhiệm bầu làm đại biểu. Lúc đó, Linh mục Phạm Bá Trục vinh dự được nhân dân Hà Nam Ninh bầu làm đại biểu Quốc hội của tỉnh. Uy tín của Linh mục càng được khẳng định hơn khi Linh mục được Quốc hội bầu vào Ban thường trực, tháng 11 - 1946. Cũng trong năm này, Linh mục còn là một trong những người sáng lập ra Hội Liên Việt và là Ủy viên ban chấp hành Trung ương của Hội.

Tuy nhiên bầu không khí vui mừng độc lập từ kết quả thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đem lại chưa được bao lâu thì dân tộc ta lại bước vào cuộc thử thách mới. Công giáo đang hòa nhịp cùng khí thế bừng bừng của cách mạng dân tộc thì bóng đen ảm đạm đã bao trùm trở lại. Thực dân Pháp tái chiếm Sài Gòn (23-09-1945) và bắt đầu gây hấn ở Miền Bắc vào cuối tháng 11 - 1946. Kể từ ngày 19 -12-

2. Báo *Chính Nghĩa*, số 56, ngày 30-09-1965, tr. 2.

3. Những nhận định “khất khe” về Chủ nghĩa Cộng sản thường hay được trích nhất trong thông điệp *"Divini Redemptoris"* năm 1937 của Giáo hoàng Pio XI về Chủ nghĩa Cộng sản vô thần.

1946, toàn thể dân tộc Việt Nam lại phải bước vào cuộc kháng chiến mới, chống lại thực dân Pháp. Chúng rắp tâm quay lại cướp nước ta một lần nữa.

Đối với người Công giáo Việt Nam, đây là một cuộc chiến tranh đầy thử thách. Bởi vì nước Pháp vẫn thường được mệnh danh là “nước mẹ” đã khôn khéo cử D’Argenlie - Một tu sĩ dòng Camêlô làm Cao ủy Toàn quyền chỉ huy đội quân viễn chinh tái chiếm Việt Nam. Lần này, Cao ủy ra đi đem theo kì vọng lớn lao mà “nước mẹ” hằng gửi gắm đó là: Lợi dụng tấm bình phong của Cao ủy là một người Công giáo để mong mỗi lời kéo đông đảo giáo dân tại Việt Nam nhằm mục đích phục vụ cho cuộc chiến tranh đầy phi nghĩa đó⁽⁴⁾. Tuy nhiên với *nhân quan nhay bén*, Linh mục Phạm Bá Trục đã sớm thấy rõ ý đồ của thực dân Pháp, Linh mục viết: “Từ xưa đến nay các nhà chính trị hay lợi dụng tôn giáo làm lời khỉ sắc bén. Ngay việc nước Pháp đối với Việt Nam từ xa xưa tới nay cũng chứng tỏ nước Pháp là một nước hay lợi dụng tôn giáo hơn hết, khi họ lợi dụng không được thì sinh phát khùng, quay ra áp chế làm khổ tôn giáo để theo ý mình...”⁽⁵⁾

Thực ra, thực dân Pháp muốn lợi dụng đông bào Công giáo để chia rẽ mỗi đoàn kết cùng kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Vì ở giai đoạn đầu của cuộc chiến này, địa bàn đồng bằng Bắc Bộ là một vùng *chiến lược trọng yếu*, ý đồ chiến lược của thực dân Pháp là chiếm giữ đồng bằng Bắc Bộ, biến đây là căn cứ quân sự và nơi vót tiếp tế chính cho lực lượng binh lính Pháp trong chiến lược chiến tranh tổng lực của đế quốc Pháp. Về mặt tôn giáo, đây lại là *vùng nhạy cảm với vấn đề Công giáo*, có đông đồng bào Công

giáo sinh sống⁽⁶⁾. Thực dân Pháp muốn lợi dụng Công giáo để chống phá lại Chính phủ Hồ Chí Minh. Hơn nữa, vì là vùng tạm chiếm nên người Công giáo phải đối diện với vấn đề yêu nước kháng chiến hoặc bị dịch lợi dụng hết sức gay gắt. Xét với tâm trạng của các giáo dân, ngã về phía nào, đôi lúc là cả một sự giằng xé và

4. D’Argenlie lợi dụng danh nghĩa Công giáo bắt một số linh mục người Việt đe dọa những giáo dân tham gia kháng chiến, Cao ủy đưa chiêu bài “chống Cộng” và dọa nạt rút phép thông công; ngoài ra còn dụ dỗ, cưỡng ép một số giáo dân phải tham gia vào các tổ chức phản động chống phá cách mạng do Cao ủy thành lập-Xem: Nguyễn Văn Đông. *Giới thiệu Công giáo miền Nam*, báo Chính nghĩa, số 10, ra từ 1/8-15/8/1955, tr.3. “Màn kịch” này lại lặp lại vào năm 1951, thực dân Pháp muốn tìm sự ủng hộ của Vatican khi bị sa lầy trong cuộc chiến tranh Việt Nam, Pháp cử De Lattre de Tassigni sang cầm cự. De Lattre còn là một nhà ngoại giao. Trước khi nhận chức tại chiến trường Đông Dương, De Lattre qua Hoa Kỳ xin thêm viện trợ và qua Vatican tìm sự “hậu thuẫn” của Giáo hoàng Pío XII.

5. Nguyên văn lời của Linh mục Phạm Bá Trục ngày 09/12/1949 được trích đưa vào trong *Bản thảo sách của Hồ Chí Minh viết về Công giáo* (tài liệu lưu trữ chưa công bố), viết vào khoảng năm 1950 tại Việt Bắc ở phần *Động bào Công giáo với Chính phủ Kháng chiến Hồ Chí Minh*, trang cuối. Cũng trong bản thảo này ở phần *giặc Pháp giết hại Công giáo Việt Nam*, Hồ Chí Minh lại dẫn lời của Linh mục Phạm Bá Trục khi Linh mục tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với đông bào Công giáo như sau: “*Quần giặc miệng ngoài tưởng như yếu mềm đồng bào Công giáo lắm nhưng chúng chỉ yếu bằng sắt hại. Người già, người trẻ, con nít bị chúng giết, chúng tra tấn...*” Tài liệu này chúng tôi tham khảo từ tư liệu của Giáo sư Đỗ Quang Hưng.

6. Theo cuốn *Les Missions Catholiques en Indochine*, năm 1939 ở Bắc Kỳ có 1.151.653 người Công giáo với 633 xứ có linh mục, 700 linh mục Thừa sai, 923 linh mục bản quốc. Trong khi đó số giáo dân tương ứng ở Trung Kỳ là 170.573 người, Nam Kỳ và Cao Miên là 222.539 người – Xem: *Niên giám Công giáo*, xuất bản tại Sài Gòn, 1964, tr.199. Đến năm 1945, có 5 vị Giám mục Việt Nam được tấn phong thì có tới 4 người được cai quản ở các địa phận Bắc Bộ. Điều này cho thấy Bắc Bộ lúc đó là một trung tâm Công giáo lớn, quan trọng đối với Tòa Thánh La Mã, và các giám mục Pháp. Đây cũng chính là vùng mà thực dân Pháp đã lợi dụng Công giáo chia rẽ khối đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến giai đoạn 1946 - 1954.

day dứt lớn về mặt tư tưởng. Bởi thực tế lúc đó đã xảy ra chuyện phạt vạ, “cưỡng ép” từ phía Giáo hội cũng như phía Pháp⁽⁷⁾.

Cuối cùng sự thất vọng lại thuộc về người Pháp. ý đồ muốn lợi dụng Công giáo đã không đem lại một quyền lực vô biên như “nước mẹ” vẫn chờ đợi. Quân Pháp đi đến đâu cũng bị nhân dân Việt Nam lương cũng như giáo chống trả quyết liệt. Nhiều xứ họ đạo vũ trang chống Pháp, hoặc che giấu cán bộ Đảng. Cuối cùng, hình ảnh của Cao uỷ bị bôi xoá nhục mạ ngay dưới chân mái nhà Chung viện Sài Gòn⁽⁸⁾.

Cũng trong những ngày tháng khó khăn của dân tộc, đặc biệt đối với đồng bào Công giáo, linh mục Phạm Bá Trục đã mang hết tâm huyết, tài lực để giúp dân, giúp nước. Trong mọi việc làm và hành động của mình, linh mục luôn kết hợp hài hoà giữa đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy với truyền thống yêu nước của dân tộc. Linh mục không ngừng nhấn mạnh ý nghĩa của việc đoàn kết toàn dân trong đó có đoàn kết các tôn giáo để cùng tham gia kháng chiến. Phạm Bá Trục cho rằng: Tất cả người Công giáo Việt Nam hãy đứng lên sát cánh cùng đồng bào cả nước kháng chiến giành lại độc lập cho dân tộc. “Chúa Cơ Đốc sinh ra cũng chỉ có ý cứu vãn nhân loại cho khỏi sự bóc lột hà hiếp lẫn nhau, cứu nhân loại khỏi xiềng xích báo thù, để mọi người không phân biệt trắng vàng, đều nên anh em với nhau... Nên ta hãy vì Chúa, vì chính nghĩa mà kháng chiến oanh liệt cho đến khi tổng cổ quân xâm lăng ra khỏi nước ta; đó là ý ngay lành đẹp lòng Chúa...”⁽⁹⁾. Linh mục được Chủ tịch Hồ Chí Minh tin tưởng giao cho trọng trách giải quyết

nhiều vụ việc phức tạp về Công giáo. Chẳng hạn ngày 07-02-1947, Linh mục được cử về huyện Kim Sơn (Ninh Bình) thay mặt Chính phủ giải thích cho đồng bào về chính sách tôn giáo và nói rõ thái độ của Chính phủ đối với những việc làm phạm pháp của bọn phản động lợi dụng Công giáo; ngày 24-09-1947 với chức danh Đặc phái viên Chính phủ, Linh mục về lại Kim Sơn hợp với chính quyền kháng chiến, đại diện Công giáo, Phật giáo bàn bạc đi đến thống nhất quyết nghị một số công việc như kiểm soát đường xá, khu phố, bàn về việc bắt giữ một số người của Giám mục Lê Hữu Từ⁽¹⁰⁾.

Do âm mưu của thực dân Pháp mà diễn biến Công giáo ở địa bàn đồng bằng Bắc Bộ trong những năm 1946-1954 hết sức phức tạp. Giai đoạn này đã có một số giám mục, linh mục lôi kéo một bộ phận giáo dân xa rời cuộc kháng chiến của dân tộc. Tuy nhiên, đại bộ phận linh mục và giáo dân vẫn tin tưởng vào Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chính Linh mục Phạm Bá Trục cũng đã có những nhận xét xác đáng về vấn đề này: “Khắp dân Việt, bất phân giai cấp và tôn giáo đều quay đầu về Cụ Hồ: Tâm tư nhắc đến Cụ từng giây, từng phút. Tôi đi kinh lí, thấy

7. Xem: *Thư chung năm 1951* của các giám mục Đông Dương và một số *thư luận lưu* của Giám mục Lê Hữu Từ.

8. Báo *Chính nghĩa*, số 10, ra từ 1/8-15/8/1955, tr. 3

9. Phạm Bá Trục. *Ta hãy vì Chúa, vì chính nghĩa mà kháng chiến oanh liệt*, bài đăng trên báo *Sự Thật*, số 105, ra ngày 25-12-1948. Hiện nay số báo này chỉ còn ở thư viện Quân đội.

10. Nguyễn Hồng Dương. *Công giáo và dân tộc thời kỳ 1946-1954*, tham luận tại Hội thảo Công giáo và Dân tộc: Hôm qua và hôm nay, ngày 27 và 28 tháng 04 năm 2006, tại Hà Nội, tr.6; Xem thêm thông tin trong Đoàn Đức Thư và Xuân Huy: *Giám mục Lê Hữu Từ và Phát Diệm*, Sài Gòn, 1973.

toàn dân đâu đâu cũng một lòng một ý kháng chiến và trông vào Cụ”⁽¹¹⁾. Phải nói rằng sự nhìn nhận tích cực của Phạm Bá Trục ở thời điểm lịch sử nhạy cảm này là hết sức cần thiết và mang nhiều ý nghĩa xây dựng cho vấn đề đoàn kết Công giáo với dân tộc.

Cùng với Linh mục Phạm Bá Trục có thể kể đến những linh mục như Nguyễn Thế Vịnh, Hoàng Quang Tự, Nguyễn Duy Trinh, (giáo phận Phát Diệm), Vũ Xuân Kỳ, Nguyễn Tất Tiên (giáo phận Hà Nội), Phạm Quang Phước (giáo phận Hải Phòng), v.v... hoạt động tích cực cho kháng chiến và chính sách đoàn kết lương giáo của Chính phủ.

Phạm Bá Trục cho rằng đã là người Công giáo Việt Nam phải tỏ rõ sự thánh thiện và công chính của Đạo là đứng về Chúa, song cũng phải hết mực phục vụ cho Tổ quốc, hay nói cách khác là *kính Chúa gắn với yêu nước*. Trong bức thư gửi đồng bào Công giáo sau khi đi thăm Trung Quốc và Triều Tiên tháng 05 - 1951, Linh mục viết “... Chúng ta hãy tỏ mình là người Công giáo chính tông: tỏ rõ sự thánh thiện và công chính của đạo Công giáo là đứng về Chúa, Tổ quốc phải là trên hết, chúng ta hãy chứng tỏ mình là người có đạo, người công dân tức là người yêu Tổ quốc và lấy việc làm mà dẫn chúng, tức hãy tham gia vào mọi công việc cứu quốc, kiến quốc và sẵn sàng vì Chúa mà thực hiện các chính sách của Chính phủ kháng chiến do Cụ Hồ lãnh đạo. Ta hãy thành thực đoàn kết chặt chẽ cùng toàn dân để đẩy mạnh cuộc kháng chiến đi đến thắng lợi cuối cùng, ...”⁽¹²⁾

Linh mục từng đi nhiều nơi, nhiều nước, nhưng khi ở Việt Nam, đến đâu Linh mục cũng giới thiệu cho đồng bào

Công giáo thấy rõ chính sách tự do tín ngưỡng của Chính phủ và Hồ Chủ Tịch⁽¹³⁾. Trong lời kêu gọi đồng bào Công giáo ngày 01- 06-1951, Linh mục nêu rõ: “Ta hãy nhớ Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có ghi: Tôn trọng tôn giáo và tự do tín ngưỡng, chính cương của mặt trận Liên Việt cũng có quy định: Tôn trọng tự do tín ngưỡng và các việc phụng lễ của tôn giáo. Thế là Chính phủ và Mặt trận không có chủ trương gì hại đến tôn giáo lại còn bên vực tôn giáo”⁽¹⁴⁾.

Dù ở Quốc hội, Chính phủ hay Mặt trận, với cương vị nào Linh mục Phạm Bá Trục cũng luôn đóng góp ý kiến của mình về mọi vấn đề quan hệ đến quốc kế dân sinh. Mỗi khi dịch thực hiện âm mưu lợi

11. Trích trong *Bản thảo sách của Hồ Chí Minh viết về Công giáo*, ở phần *Đồng bào Công giáo với Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh*, tài liệu đã dẫn.

12. Phạm Bá Trục. *Kính Chúa yêu nước đoàn kết lương giáo*. Ủy ban Liên Việt toàn quốc xuất bản năm 1954, tr. 24 -25.

13. Tại sao vấn đề tự do tín ngưỡng tưởng là một quyền lợi hiển nhiên chính đáng lại được đề cao như vậy trong giai đoạn này? Chúng ta phải đặt vấn đề trong bối cảnh lịch sử lúc đó: Từ cuối những năm 1920 và đặc biệt trong những năm 1930, Giáo hội Công giáo ở Việt Nam đã coi việc truyền bá Chủ nghĩa Cộng sản vào Việt Nam như một hiểm họa cho sự phát triển xã hội. Một số sách báo của Giáo hội coi chủ nghĩa Cộng sản là kẻ thù không đội trời chung của các tôn giáo. Ở Việt Nam người ta bắt đầu tuyên truyền chống Cộng từ những năm 1930 - 1931. Sau phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và đặc biệt sau thông điệp Divini Redemptoris của Giáo hoàng Pío XI về chủ nghĩa Cộng sản vô thần năm 1937. Chính Giám mục Eloy - Bắc Đại diện Tông toà địa phận Vinh, viết trong bức thư ngày 6/6/1932 rằng: “...người ta thấy Cộng sản Việt Nam cũng không tôn trọng tôn giáo hơn là Cộng sản Nga. Tương lai thật đáng lo ngại”- trích trong bài của linh mục Trương Bá Cẩn, *Người Công giáo phận Vinh trong những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 - 1975)* trên Nguyệt san Công giáo và Dân tộc, số 17, tháng 5/1996, tr.77-78. Cho nên việc giải thích để đồng bào Công giáo hiểu được chính sách tự do tín ngưỡng là hết sức cần thiết.

14. Phạm Bá Trục. *Kính Chúa yêu nước đoàn kết lương giáo*, Sđd., tr. 19.

dụng tôn giáo, hòng chia rẽ mỗi đoàn kết lương giáo, Linh mục đều kịp thời vạch rõ mọi âm mưu của chúng và kêu gọi đồng bào kiên quyết kháng chiến. Theo Linh mục Phạm Bá Trục, đã là người Công giáo theo Chúa Cơ Đốc thì không thể theo bọn cướp nước. Nếu ai theo bọn cướp nước thực dân thì chẳng khác gì bọn Pha-ri-điêng, vừa mất nước, vừa mất đạo, mất cả hồn lẫn xác. Thực dân Pháp lấy lẽ “bài Cộng”, “Cộng sản chống tôn giáo” là để nhăm vào mục đích “nồi da nấu thịt”, chia rẽ mỗi đoàn kết lương giáo của chúng⁽¹⁵⁾.

Ở điểm này cần thấy rằng Linh mục Phạm Bá Trục đã “vượt lên tâm suy nghĩ” những quan điểm của Giáo hội Công giáo để đưa ra nhận định chính xác về việc kẻ địch tung tin Cộng sản xóa bỏ tôn giáo chỉ là một *chiêu bài*⁽¹⁶⁾. Trên thực tế việc thực hiện kết hợp hài hòa giữa đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy với tinh thần yêu nước của đồng bào các tôn giáo không phải lúc nào cũng dễ dàng thuận lợi. Vì trên bước đường đồng hành cùng dân tộc, đồng bào Công giáo và các tín đồ của nhiều tôn giáo khác luôn bị kẻ địch li gián lợi dụng. Các thế lực chống đối cách mạng Việt Nam luôn tuyên truyền rằng Cộng sản chống tôn giáo, lí tưởng tôn giáo mâu thuẫn với lí tưởng cách mạng⁽¹⁷⁾. Những thế lực này còn hô hào tín đồ các tôn giáo hãy xa rời đấu tranh, chỉ nên thu mình với việc đạo và đừng “dính” vào việc đời, hoặc chống đối lại Chính phủ. Đây là những điều hết sức nguy hại tới chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Năm 1951, trong Đại hội thống nhất Việt Minh Liên Việt, ông được cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc.

Ngoài ra Linh mục Phạm Bá Trục còn được cử làm ủy viên Trung ương của Hội Việt - Hoa hữu nghị và được cử tham gia phái đoàn nhân dân Việt Nam đi thăm Trung Quốc và Triều Tiên. Những điều này càng khẳng định thêm vai trò và uy tín của ông trong công tác đoàn kết tôn giáo, dân tộc. Uy tín của Phạm Bá Trục có ảnh hưởng không nhỏ tới phong trào Công giáo yêu nước ở Miền Nam trong những năm kháng chiến chống Pháp⁽¹⁸⁾.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Linh mục Phạm Bá Trục luôn thể hiện mình là tấm gương trong việc tham gia xây dựng mọi chính sách của Chính phủ và kêu gọi đồng bào thực hiện chính sách đó. Riêng đối với chính sách tôn giáo, cuối năm 1952, Linh mục tham gia vào Tiểu ban dự thảo chính sách cụ thể về tôn giáo và đã góp phần tích cực trong phiên họp Quốc hội lần 3 thông qua Luật cải cách ruộng đất. Ngày 19-05-1953 Linh mục đã viết thư gửi giáo hữu toàn quốc để đồng bào Công giáo hiểu chính sách phát động quần chúng cải cách ruộng đất của Hồ Chủ Tịch và Chính phủ, thư có đoạn: “Phát động quần chúng như vậy

15. Phạm Bá Trục. *Kính Chúa yêu nước đoàn kết lương giáo*, Sđd., tr. 19.

16. Tất nhiên việc ứng xử với tôn giáo của Liên Xô, và Trung Quốc thời điểm này cũng có ảnh hưởng tới những nhận định của Giáo hội La Mã về Cộng sản.

17. Với quan điểm hiện nay nhìn lại thì *luận điểm* “Cộng sản tiêu diệt tôn giáo” do các thế lực thù địch đưa ra đã trở nên “cũ” và “nhàm chán”. Vì trên thực tế sự tương thích giữa đôi bên qua thực tiễn lịch sử theo chiều hướng tích cực đã phủ định tất cả. Nhưng ở thời điểm hơn 60 năm về trước, luận điểm trên không khỏi gây *hoang mang* và *xao động* với Công giáo Việt Nam, nhất là khi nó được tuyên truyền một cách bài bản hấp dẫn bởi hàng giáo phẩm đa phần người ngoại quốc và sự lợi dụng Công giáo cho mưu đồ chính trị một cách khôn ngoan của người Pháp.

18. Nguyễn Văn Đông. *Giới thiệu Công giáo Miền Nam*, báo *Chính nghĩa*, số 10, ra từ 1/8 -15/8/1955, tr. 3.

đem lại điều tốt cho đạo, điều ích cho nước, điều lợi cho dân. Cho nên anh em giáo hữu ta nhiệt liệt ủng hộ phát động quần chúng... Nghĩa là phải làm theo luật lệ của Chính phủ và ý kiến của nhân dân...”⁽¹⁹⁾

Giữa năm 1952, bệnh đau tim của Linh mục trở lên trầm trọng. Hồ Chủ Tịch và Chính phủ đã cử các bác sĩ chăm sóc tận tình chu đáo. Trong lúc ốm nặng, mỗi khi Hồ Chí Minh đến thăm, Linh mục thường nói: “Tôi mong trông thấy kháng chiến thắng lợi thì dầu có chết cũng thoả lòng...”

Tuy bệnh nặng, nhưng tới đầu năm 1954 Linh mục mới chịu đến bệnh viện để tĩnh dưỡng. Trong thời gian này, mặc dù sức yếu nằm trên giường bệnh, nhưng hằng ngày Linh mục vẫn theo dõi sát sao tình hình trong và ngoài nước, góp ý kiến với Chính phủ và viết tài liệu giải thích chính sách của Chính phủ cho đồng bào Công giáo. Sau khi hội nghị Giơnevơ kết thúc, Linh mục không ngừng kêu gọi đồng bào Công giáo và các tôn giáo khác phấn đấu cho hoà bình, thống nhất nước nhà. Linh mục đã gửi thư cho đồng bào Công giáo vạch mặt thủ đoạn của Ngô Đình Diệm, sự can thiệp của đế quốc Mỹ và những phần tử thân Pháp⁽²⁰⁾. Chúng đang rắp tâm phá hoại đình chiến thực hiện hoà bình thống nhất quốc gia như trong Hiệp định Giơnevơ đã nêu. Linh mục khuyên đồng bào đoàn kết đấu tranh đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Linh mục Phạm Bá Trục qua đời ngày 05-10-1954, ở tuổi 56 tuổi. Mỗi khi nhắc tới tên Linh mục, luôn gợi lại trong lòng nhân dân Việt Nam, đặc biệt là đồng bào Công giáo hình ảnh về một vị linh mục kính Chúa yêu nước suốt đời hi sinh phấn đấu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, thống nhất nước nhà và tự do tín ngưỡng của tôn giáo. Điều đó sẽ không lấy gì làm lạ khi trong lời diếu tại tang lễ, từ đáy lòng mình Hồ Chủ Tịch đã xúc động viết: “Với lòng vô cùng thương tiếc một nhà tận tụy ái quốc và một người bạn thân mến, trước linh hồn Cụ, chúng tôi nguyện kiên quyết một lòng, đoàn kết toàn dân để làm tròn sự nghiệp mà suốt đời Cụ mong muốn tức là: củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn nước Việt Nam yêu quý của chúng ta”⁽²¹⁾./.

19. Thư của Linh mục Phạm Bá Trục được đăng lại trên báo *Chính nghĩa*, số 7, ra ngày 16-06-1955, tr. 1 và 4.

20. Điều này thể hiện qua các thư của Linh mục Phạm Bá Trục, như: *Ngô Đình Diệm kẻ có tội trước Tổ quốc*, viết vào tháng 7-1954; và *Thư gửi đồng bào Công giáo về việc chống mưu mô phá hoại hòa bình của đế quốc Mỹ, hiếu chiến Pháp và bè lũ Ngô Đình Diệm*, viết vào tháng 09-1954. Cả hai bức thư này được viết khi Linh mục bị bệnh nặng.

21. Xem: *Lời diếu cụ Phạm Bá Trục Phó trưởng ban thường trực Quốc hội* (Hồ Chí Minh soạn), báo *Nhân dân*, ngày 11,12-10-1954. Sáng ngày 7-10-1954, lễ an táng Linh mục Phạm Bá Trục được cử hành ở Đại Từ, Thái Nguyên. Tại buổi lễ an táng, đồng chí Phan Anh đã thay mặt Hồ Chủ Tịch đọc diếu văn này. Lời diếu này được in lại trong *Hồ Chí Minh về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 237.